

Số: 767/BC-STC

An Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác quản lý tài chính – ngân sách Tháng 5, kế hoạch công tác tháng 6/2017

A. Tình hình thực hiện công tác tài chính, ngân sách tháng 5/2017:

I. Thu ngân sách nhà nước tháng 5/2017:

1. **Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:** thu trong tháng là 428 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm là 2.630 tỷ đồng, đạt 49,3% so dự toán năm, bằng 106,4% so với cùng kỳ, bao gồm:

- Thu thuế XNK, TTĐB, GTGT hàng nhập khẩu: thu trong tháng là 13 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm là 72 tỷ đồng, đạt 69,1% so dự toán năm, bằng 142,6% so với cùng kỳ.

- Thu nội địa : thu trong tháng là 415 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm là 2.558 tỷ đồng, đạt 48,9% so dự toán năm, bằng 105,6% so với cùng kỳ, chia ra:

a) **Thu cân đối ngân sách:** thu trong tháng là 412 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm là 2.553 tỷ đồng, đạt 48,8% so dự toán năm, bằng 105,8% so với cùng kỳ, thu cân đối ngân sách không kể xổ số kiến thiết và tiền sử dụng đất đạt 39,9% so dự toán năm, trong đó có:

+ Có 10/16 khoản thu đạt và vượt tiến độ bình quân dự toán, gồm: thu từ DNNN địa phương; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; lệ phí trước bạ; thuế thu nhập cá nhân; thuế BVMT; thu phí, lệ phí; thu tiền sử dụng đất; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thu xổ số kiến thiết.

+ Có 06/16 khoản thu đạt thấp so tiến độ bình quân dự toán, gồm: thu từ DNNN trung ương; thuế ngoài quốc doanh; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thu tại xã; thu khác ngân sách và thu cổ tức.

Phân theo địa bàn: Tổng thu cân đối NSNN lũy kế từ đầu năm gồm:

- Cấp tỉnh : 274 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm là 1.819 tỷ đồng, đạt 52,3% so dự toán năm, bằng 233,2% so với cùng kỳ.

- Cấp huyện : 138 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm là 734 tỷ đồng, đạt 42,9% so dự toán năm, bằng 95,46% so với cùng kỳ, trong đó có 06/11 huyện, thị xã, thành phố cơ bản thu đạt vượt tiến độ dự toán, gồm: Châu Đốc, Tân Châu, Chợ Mới, Châu Phú, Thoại Sơn, Tri Tôn; 05/11 huyện, thành phố đạt dưới tiến độ bình quân dự toán, gồm: Long Xuyên, Phú Tân, Châu Thành, Tịnh Biên, An Phú.

b) **Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước:** thu trong tháng 2 triệu đồng, lũy kế từ đầu năm 5 tỷ đồng, bằng 63,7% so cùng kỳ.

2. **Thu Ngân sách địa phương:** thu trong tháng 912 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 4.646 tỷ đồng, đạt 39,5% dự toán, gồm:

- Thu từ kinh tế địa bàn: thu trong tháng 371 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 2.477 tỷ đồng, đạt 51% dự toán, gồm:

+ Thu cân đối ngân sách: thu trong tháng 370 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 2.472 tỷ đồng, đạt 50,9% dự toán.

+ Thu để lại quản lý qua ngân sách: thu trong tháng 2 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 5 tỷ đồng.

- Thu bổ sung NSTW : 541 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 2.169 tỷ đồng, đạt 31,5% dự toán năm, trong đó :

+ Bổ sung cân đối : 500 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 2.000 tỷ đồng, đạt 33,3% dự toán năm;

+ Bổ sung có mục tiêu : 41 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 169 tỷ đồng, đạt 19,1% dự toán năm.

II. Về chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương trong tháng là 788 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 3.716 tỷ đồng, đạt 31,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 93,7% so với cùng kỳ năm trước, gồm :

1. Chi cân đối ngân sách: trong tháng là 788 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 3.716 tỷ đồng, đạt 31,7% dự toán năm, bằng 93,7% so với cùng kỳ năm trước, chia ra:

a) Chi đầu tư phát triển: trong tháng là 186 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 800 tỷ đồng, đạt 22,7% dự toán năm, bằng 70% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Cấp tỉnh : trong tháng là 153 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 630 tỷ đồng, đạt 20,1% dự toán năm, bằng 61% so với cùng, gồm: chi từ nguồn đầu tư tập trung 190 tỷ đồng đạt 19,8% dự toán năm, chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 39 tỷ đồng đạt 23% dự toán năm, chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của TW là 150 tỷ đồng đạt 20,6% dự toán, chi chương trình mục tiêu 1 tỷ đồng đạt 1,2% dự toán năm, chi xổ số kiến thiết 250 tỷ đồng đạt 21,2% dự toán

- Cấp huyện : trong tháng là 33 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 170 tỷ đồng, đạt 43,6% dự toán năm, bằng 147,1% so với cùng kỳ.

b) Chi thường xuyên: trong tháng là 603 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 2.916 tỷ đồng, đạt 36,5% dự toán năm, bằng 103,5% so với cùng kỳ năm trước.

Phân theo loại chi:

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo : trong tháng là 263 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 1.236 tỷ đồng, đạt 37,2% dự toán năm, bằng 102,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp y tế : trong tháng là 34 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 182 tỷ đồng, đạt 20,7% dự toán năm, bằng 67,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi đảm bảo xã hội : trong tháng là 29 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 275 tỷ đồng, đạt 62,6% dự toán năm, bằng 135,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi quản lý hành chính : trong tháng là 115 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 613 tỷ đồng, đạt 42% dự toán năm, bằng 101,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi an ninh quốc phòng : trong tháng là 28 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 145 tỷ đồng, đạt 48,5% dự toán năm, bằng 99,7% so với cùng kỳ năm trước.

Phân theo địa bàn :

+ Cấp tỉnh : trong tháng là 187 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 800 tỷ đồng, đạt 26,9% dự toán năm, bằng 86% so với cùng kỳ năm trước.

+ Cấp huyện: trong tháng là 416 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm 2.116 tỷ đồng, đạt 42,1% dự toán năm, bằng 114,4% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN: chưa phát sinh.

III. Đánh giá công tác quản lý, điều hành tài chính, ngân sách:

1. Về quản lý, điều hành ngân sách:

- Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành dự toán thu, chi NSNN quý II/2017, chủ động bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện kịp thời, đảm bảo nguồn cho hoạt động bộ máy và các nhu cầu chi cần thiết theo dự toán.

- Nhờ sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh, sự tăng cường phối hợp giữa cơ quan thu, cơ quan tài chính và các lực lượng chức năng trong quản lý thu NSNN, tổng thu NSNN từ kinh tế địa bàn tháng 5 đạt dự toán HĐND tỉnh giao, các khoản thu cân đối ngân sách đạt 48,8% dự toán, vượt tiến độ bình quân là 41,67%. Chi ngân sách địa phương thực hiện tốt theo định hướng của Chính phủ và UBND tỉnh, trong đó tập trung chi cho con người, an sinh xã hội, thực hiện triệt để tiết kiệm chống lãng phí.

2. Công tác quản lý vốn đầu tư XDCB:

- Đảm bảo nguồn vốn cấp phát và thanh toán kịp thời đối với các dự án có khối lượng hoàn thành phát sinh trong tháng 5/2017, tiến độ chi đạt 22,7% dự toán và bằng 69,7% so cùng kỳ, do nhiều dự án đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, trong 05 tháng đầu năm 2017 trừ các công trình chuyển tiếp các dự án còn lại đang trong quá trình chuẩn bị thực hiện, do đó công trình này giải ngân thấp; nhiều dự án bị vướng mắc ở khâu lập, thẩm định và phê duyệt phương án bồi hoàn làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án và việc giải ngân nguồn vốn đầu tư, bên cạnh đó, do nguồn năm 2016 chưa thanh toán hết phải chuyển tiếp thanh toán trong năm 2017.

- Công tác quyết toán vốn đầu tư: trong tháng đã phê duyệt quyết toán 14 dự án với giá trị 148 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm là 71 dự án, giá trị phê duyệt quyết toán 787 tỷ đồng. Số dự án chậm nộp báo cáo quyết toán trên 24 tháng 13 dự án, giá trị thanh toán 28 tỷ đồng.

3. Về thực hiện chế độ chính sách An sinh xã hội:

Đảm bảo thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng ASXH kịp thời, trong đó:

a) Chính sách BHYT:

Hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng quy định theo đề nghị của BHXH tỉnh được phân bổ tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh, cụ thể:

+ Cấp kinh phí cho BHXH các huyện, thị, thành phố, số tiền 175.664 triệu đồng để hỗ trợ BHYT 06 tháng đầu năm 2017 cho các đối tượng theo quy định.

+ Cấp kinh phí cho BHXH tỉnh, số tiền 2.677 triệu đồng để hỗ trợ BHYT cho đối tượng HSSV năm 2016.

Riêng, đối với kinh phí BHYT cho các đối tượng người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người thuộc gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình, Bộ Tài chính chưa giao dự toán kinh phí cho địa phương.

Về nhu cầu thực hiện BHYT cho các đối tượng này, sau khi BHXH tổng hợp nhu cầu kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng, Sở Tài chính sẽ báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Tài chính bổ sung kinh phí thực hiện.

b) Chính sách bảo trợ xã hội:

Lũy kế 5 tháng năm 2017 chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136 và TTLT 29 là 126 tỷ đồng, đạt 41,67% dự toán.

4. Công tác quản lý tài chính các đơn vị HCSN:

- Hoàn chỉnh dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về đổi mới cơ chế hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 trình UBND tỉnh ký ban hành.

- Trình UBND tỉnh dự thảo Công văn hướng dẫn về việc giao quyền tự chủ tài chính, phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017 cho các đơn vị sự nghiệp công lập và đôn đốc các Sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố có đơn vị sự nghiệp công lập khẩn trương thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Trình UBND tỉnh dự thảo Công văn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn 556/UBND-TH ngày 10/4/2017 về việc thực hiện các kiến nghị của Đoàn Giám sát – Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

5. Công tác quản lý tài chính doanh nghiệp :

- Báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện tái cơ cấu DNNN năm 2016 và quý I năm 2017 theo nội dung Thông tư 219/2015/TT-BTC.

- Báo cáo UBND tỉnh về việc thành lập và bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã của tỉnh.

- Báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.

- Báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính về tăng mức vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết An Giang.

- Trình UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết An Giang.

- Trình UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang.

- Trình UBND tỉnh báo cáo giám sát tài chính năm 2016 đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công ty cổ phần có vốn nhà nước.

6. Công tác quản lý giá – công sản:

6.1 Công tác quản lý giá:

a) Về tình hình giá cả thị trường:

Chỉ số giá tiêu dùng của tỉnh: Theo số liệu của Cục Thống kê Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 05/2017 giảm 0,17% so với tháng trước, tăng 1,75% so với tháng 12/2016 và tăng 2,98% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do giá cả các mặt hàng ổn định, có một số mặt hàng giảm giá, bình quân 05 tháng đầu năm 2017 tăng 3,49% so cùng kỳ.

b) Công tác kê khai giá:

- Trong tháng đã tiếp nhận hồ sơ kê khai lại giá của 42 DN. Lũy kế từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận 196 lượt hồ sơ của DN đến kê khai giá bán. So cùng kỳ năm trước về kê khai giá đạt 99,49% (05 tháng năm 2016 tiếp nhận hồ sơ của 197 lượt hồ sơ của DN).

6.2 Công tác quản lý tài sản nhà nước:

a) Về việc xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp: Đến thời điểm hiện nay đã tiếp nhận hồ sơ của 13 đơn vị đề nghị xác định giá trị. Trong đó Có 07 đơn vị sau khi kiểm tra, thẩm định hồ sơ chưa đúng theo quy định đã có Công văn đề nghị đơn vị hoàn chỉnh lại hồ sơ; 03 đơn vị đã thẩm định và lập Tờ trình để trình UBND tỉnh quyết định giao tài sản, gồm: Trung tâm Ngoại ngữ, Trung tâm Tạo nguồn nhân lực Phát triển cộng đồng thuộc Trường Đại học An Giang và Trung tâm Văn hóa tổng hợp và 03 đơn vị đã đủ hồ sơ đang thẩm định.

b) Về công tác thẩm định, mua sắm tài sản công:

Từ đầu năm đến nay đã thẩm định 11 hồ sơ mua sắm với giá trị 32,7 tỷ đồng tiết kiệm cho ngân sách 2,14 tỷ đồng; ngoài ra tham gia định giá tài sản theo yêu cầu của Tòa án, lũy kế đến tháng 5/2017 đã tham gia 15 vụ với tổng giá trị định giá là 2,38 tỷ đồng.

Tham gia xác định giá mặt hàng đường cát tịch thu để làm cơ sở cho đơn vị bắt giữ bán thu tiền vào ngân sách nhà nước. Lũy kế đã xác định giá bán cho doanh nghiệp nhà nước 152.376 kg đường với tổng giá trị thu vào NSNN 1,252 tỷ đồng.

c) Xác định giá đất: Hiện nay, thực hiện Công văn số 342/TTg-V.I ngày 07/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tạm dừng thực hiện thủ tục bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh An Giang đã có Công văn số 390/UBND-KTTH ngày 15/3/2017 về việc tạm dừng thực hiện thủ tục bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đồng thời Sở Tài chính đã có Công văn số 1068/STC-GCS ngày 24/5/2017 gửi Bộ Tài chính (Cục QL Công sản) xin ý kiến hướng dẫn việc đấu giá đối với khu đất công dôi dư đã đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất được UBND tỉnh phê duyệt.

7. Công tác thanh tra :

Trong tháng không ban hành kết luận thanh tra.

Lũy kế từ đầu năm: Tổng số tiền sai phạm phát hiện qua thanh tra là 57,6 tỷ đồng. Trong đó, kiến nghị thu hồi nộp ngân sách: 8,9 tỷ đồng, xử lý khác: 48,6 tỷ đồng.

8. Công tác Tin học – thống kê:

- Quản lý Tabmis: Đảm bảo đường truyền ngành Tài chính hoạt động thông suốt và hỗ trợ xử lý kịp thời các sự cố xảy ra không làm ảnh hưởng đến xử lý công việc chuyên môn của các phòng, cụ thể như: Hỗ trợ các đơn vị tham gia hệ thống TABMIS chuyển sang hoạt động trên môi trường sản xuất như thường lệ; hỗ trợ đường truyền Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Thoại Sơn và Phú Tân.

- Quản lý cổng thông tin điện tử : Cập nhật kịp thời văn bản, chính sách mới và tin tức sự kiện nổi bật, đảm bảo cho hoạt động của Cổng được liên tục, cụ thể:

Trong tháng cập nhật được 44 văn bản, trong đó: Chính phủ (07), Bộ Tài chính (03), UBND tỉnh (08), Sở Tài chính (26); cập giá cả thị trường hàng tuần, tháng và giá vật liệu xây dựng tháng 5/2017. Thông tin cập nhật chủ yếu là các chế độ chính sách mới, các văn bản hướng dẫn thực hiện ... Ngoài ra, đã đăng 30 tin (12 viết, 18 sưu tầm) về lĩnh vực tài chính ngân sách, giá công sản...

9. Công tác cải cách hành chính và đào tạo bồi dưỡng:

- Hoàn chỉnh báo cáo 06 tháng về công tác cải cách hành chính tại đơn vị.
- Tiếp tục thực hiện công tác tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa theo quy định.
- Triển khai thực hiện quy trình ISO của cơ quan.
- Triển khai thực hiện theo kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng năm 2017: Lớp tập huấn hỗ trợ công tác quyết toán ngân sách năm 2016 theo đề nghị của Cục Tin học Thống kê.
- Đăng ký danh sách công chức tham dự các lớp Bồi dưỡng, gồm: Bồi dưỡng kết nạp đảng viên theo yêu cầu Đảng ủy Khối dân chính Đảng (05 học viên); Lớp đối tượng QN – QP đối tượng 4 (04 học viên).

B. Kế hoạch công tác tài chính, ngân sách tháng 6/2017:

I. Quản lý, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước:

1. Về thu ngân sách nhà nước:

Để đảm bảo thu NSNN đạt dự toán do HĐND tỉnh giao và chỉ tiêu dự toán quý II/2017 do UBND tỉnh giao, Sở Tài chính phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thu đôn đốc, kiểm tra, quản lý thu nộp thuế, đảm bảo tiến độ thu nộp ngân sách được giao.

2. Về chi ngân sách địa phương:

Điều hành chi ngân sách địa phương theo dự toán quý II/2017 và dự toán giao từ đầu năm, không bổ sung ngoài dự toán. Đảm bảo chi tiền lương cho công chức, viên chức, chi an sinh xã hội và các nhiệm vụ chi khác kịp thời. Thực hiện chi NSDP trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

II. Công tác tài chính, ngân sách:

1. Quản lý, điều hành ngân sách:

- Trình UBND tỉnh Quyết định về việc chi chuyển nguồn ngân sách năm 2016 sang 2017 thuộc ngân sách cấp tỉnh.
- Xây dựng dự toán thu, chi NSNN quý III/2017.
- Thông báo kết quả thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách cấp huyện năm 2016 cho các huyện, thị xã, thành phố.
- Triển khai thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh theo kế hoạch.

2. Công tác quản lý đầu tư XDCB:

- Tham mưu UBND tỉnh về định mức kinh phí hỗ trợ việc tổ chức lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
- Đôn đốc thu hồi nợ vay chương trình kiên cố hóa kênh mương và dân cư vượt lũ, trả nợ vay kiên cố hóa kênh mương quý II/2017 cho Ngân hàng Phát triển.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác quản lý thu nợ chương trình dân cư vượt lũ và quản lý sử dụng nguồn miễn thù lợi phí, nguồn Nghị định 35.
- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh quản lý.

3. Công tác quản lý tài chính các đơn vị HCSN:

- Tiếp tục hoàn chỉnh các quy định về phí, lệ phí, định mức chi trên địa bàn tỉnh.
- Tiếp tục thẩm định, tổng hợp báo cáo quyết toán NSNN năm 2016 theo Kế hoạch quyết toán ngân sách.

- Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của phòng như: cấp phát kinh phí, đôn đốc thu hồi tạm ứng theo kế hoạch.

4. Công tác quản lý tài chính doanh nghiệp:

- Đôn đốc Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang thực hiện công tác cổ phần hóa theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Kiểm tra tình hình thu, chi tài chính năm 2016 đối với 2 tuyến xe buýt Tri Tôn – Vĩnh Gia và Tri Tôn – Vàm Rầy của Công ty cổ phần Vận tải An Giang; Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định bù lỗ hoạt động xe buýt cho công ty.

- Báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện thoái vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

- Trình UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị An Giang.

5. Công tác quản lý giá – công sản:

a) Về công tác quản lý giá:

- Theo dõi thu thập thông tin cập nhật biến động giá cả thị trường hàng ngày, tổng hợp báo cáo phục vụ công tác quản lý giá.

- Tiếp tục tiếp nhận và theo dõi hồ sơ kê khai giá đối với cấp tỉnh và kiểm tra đôn đốc tình hình thực hiện kê khai giá đối với cấp huyện.

- Tham gia định giá tài sản theo yêu cầu của Tòa án tỉnh, Chi cục Quản lý thị trường, BCH. Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh ...

b) Về công tác quản lý tài sản nhà nước:

- Tiếp tục cập nhật tình hình biến động tăng giảm tài sản năm 2017 của các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện.

- Hướng dẫn tập huấn các đơn vị nhập liệu cập nhật phần mềm quản lý tài sản nhà nước phiên bản 4.0 của Bộ Tài chính triển khai nâng cấp.

- Phối hợp Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn và kiểm tra việc nhập liệu tài sản là hạ tầng giao thông đường bộ.

- Phối hợp các cơ quan có chức năng đi kiểm tra hiện trạng thực tế xe ô tô công đang thừa so tiêu chuẩn, định mức để đề xuất UBND tỉnh điều chuyển những xe còn sử dụng được sang đơn vị khác và thanh lý các xe không còn sử dụng được.

- Hướng dẫn các đơn vị rà soát các tài sản dôi dư để đề xuất thanh lý bán trên các lĩnh vực: đất đai, trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác... để thu nộp ngân sách.

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định danh mục máy móc thiết bị chuyên dùng.

- Thường xuyên nắm bắt thông tin, thống kê giá cả, thiết bị, giá đất kịp thời phục vụ tốt cho công tác thẩm định.

6. Công tác thanh tra:

- Tiếp tục triển khai thanh tra ngân sách huyện Tri Tôn.

- Báo cáo tổng kết 06 năm thi hành Luật Thanh tra.

- Định hướng Chương trình thanh tra 2018 gửi Thanh tra tỉnh.


- Tiếp tục đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện khắc phục theo Kết luận thanh tra của Sở Tài chính.

7. Công tác Tin học – thống kê:

- Thực hiện kiểm tra đường truyền TABMIS kết nối các đơn vị Phòng Tài chính – KH cấp huyện và hỗ trợ các đơn vị xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình sử dụng.
- Báo cáo 06 tháng đầu năm 2017 về thực hiện Kế hoạch CCHC và Nghị quyết 19 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh...
- Triển khai thực hiện phòng chống mã độc mã hóa dữ liệu WannaCry theo đề nghị của Cục Tin học và Thống kê tài chính.
- Đôn đốc đơn vị gửi báo cáo thống kê năm 2016 và cập nhật vào phần mềm thống kê tài chính.

8. Công tác cải cách thủ tục hành chính, đào tạo bồi dưỡng và công tác văn phòng:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Chương trình cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc ban hành, công khai, minh bạch thủ tục hành chính.
- Nâng cao chất lượng thực hiện và giám sát hoạt động tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa.
- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2017 của Sở Tài chính.
- Triển khai và áp dụng có hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 2001:2008 của cơ quan đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý tài chính – ngân sách một số lĩnh vực chủ yếu trong tháng 5/2017 và kế hoạch công tác tháng 6/2017 của Sở Tài chính. /: 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Phòng TCKH cấp huyện;
- Trang thông tin điện tử Sở; website AG;
- BGD, các phòng và TT.TĐ&DVTC;
- Lưu: VT, PNS.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Điện Tân

BÁO CÁO
THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
(Tháng 5)

ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2017		Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	% TH so DT ĐP	% TH so DT CÙNG KỲ
	TW	ĐP				
1	2	3	4	5	6=5/3%	7
TỔNG THU NSNN TỪ KINH TẾ ĐỊA BÀN (A+B)	5.202.000	5.335.000	427.718	2.630.242	49,30	106,38
A. THUẾ XNK, TTĐB, GTGT HÀNG NK	105.000	105.000	13.417	72.569	69,11	142,62
1. Thuế XNK, thuế TTĐB hàng NK	35.000	35.000	1.729	10.513	30,04	66,67
2. Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	70.000	70.000	11.687	62.056	88,65	176,72
B. THU NỘI ĐỊA	5.097.000	5.230.000	414.302	2.557.673	48,90	105,62
I. Thu cân đối ngân sách	5.097.000	5.230.000	412.590	2.552.836	48,81	105,75
Không kê thu xổ số kiến thiết, tiền sử dụng đất	3.620.000	3.753.000	263.375	1.497.519	39,90	94,48
1. Thu từ DNNN trung ương	339.900	339.900	22.854	116.532	34,28	83,45
2. Thu từ các DNNN địa phương	579.700	579.700	33.683	265.278	45,76	153,88
3. Thu từ XNLD với nước ngoài	30.000	30.000	2.340	14.187	47,29	57,24
4. Thuế ngoài quốc doanh	1.145.100	1.145.100	54.630	344.992	30,13	91,67
- Cấp tỉnh quản lý		440.400	8.434	85.744	19,47	86,90
- Cấp huyện quản lý		704.700	46.196	259.248	36,79	93,36
5. Lệ phí trước bạ	240.000	240.000	11.895	103.421	43,09	115,56
6. Thuế SD đất phi nông nghiệp	10.000	10.000	1.295	2.865	28,65	48,05
7. Thuế thu nhập cá nhân	460.000	460.000	32.015	209.728	45,59	113,36
8. Thu thuế BVMT	355.000	355.000	41.831	175.406	49,41	118,16
- Thu từ hàng hóa NK (TW hưởng 100%)	223.000	223.000	27.987	10.562	4,74	
- Thu từ hàng hóa SX trong nước (ĐP hưởng 100%)	132.000	132.000	13.845	164.844	124,88	
9. Thu phí và lệ phí	110.000	243.000	26.488	128.832	53,02	92,45
<i>Trong đó: Phí và lệ phí trung ương</i>	<i>24.000</i>	<i>24.000</i>	<i>4.303</i>	<i>14.809</i>	<i>61,71</i>	<i>142,02</i>
10. Thu tiền sử dụng đất	300.000	300.000	33.080	126.585	42,20	74,58
- Cấp tỉnh		168.400	7.705	46.409	27,56	183,52
- Cấp huyện		131.600	25.374	80.177	60,92	55,51
11. Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước	71.000	71.000	15.841	30.965	43,61	107,07
12. Các khoản thu tại xã	25.000	25.000	1.002	7.406	29,62	87,49
13. Thu khác	241.300	241.300	16.003	87.792	36,38	98,82
- Thu phạt VPHC	131.300	158.400	12.711	66.160	41,77	102,06
+ TW hưởng	131.300	131.300	10.240	55.751	42,46	
+ ĐP hưởng		27.100	2.470	10.409	38,41	
- Thu từ hoạt động CBL, KD trái pháp luật		11.000	957	6.508	59,16	182,44
- Các khoản khác		71.900	2.335	15.125	21,04	73,96
14. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	12.000	12.000	3.500	10.114	84,28	466,52
15. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia	1.000	1.000	-	-	-	
16. Thu Xổ số kiến thiết	1.177.000	1.177.000	116.135	928.732	78,91	112,01
II. Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách		-	1.712	4.837		63,70
- Thu nhân dân đóng góp			1.712	4.837		63,70
TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.615.153	11.748.153	912.472	4.645.539	39,54	
I. Thu cân đối ngân sách	11.615.153	11.748.153	910.760	4.640.702	39,50	
1. Thu cân đối ngân sách từ KTĐB	4.718.700	4.851.700	370.060	2.471.715	50,95	
Trong đó không kê xổ số kiến thiết, tiền sử dụng đất	3.241.700	3.374.700	220.846	1.416.397	41,97	
2. Thu bổ sung từ NS cấp trên	6.896.453	6.896.453	540.700	2.168.987	31,45	
- Thu bổ sung cân đối	5.998.711	5.998.711	499.890	1.999.568	33,33	
- Thu bổ sung có mục tiêu	889.142	889.142	40.810	169.419	19,05	
- Bổ sung vốn phân giới cắm mốc	8.600	8.600				
II. Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách		-	1.712	4.837		

BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 2017
(Tháng 5)

Đơn vị : triệu đồng

NỘI DUNG	DT 2017		Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	% TH SO DT ĐP	% TH SO DT CÙNG KỲ
	TW	ĐP				
	1	2	3	4	5=4/2%	6
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	11.603.833	11.736.833	788.308	3.715.641	31,66	93,67
A.- CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	11.603.833	11.736.833	788.308	3.715.641	31,66	93,72
I/- CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	3.520.926	3.520.926	185.541	799.933	22,72	69,67
- Cấp tỉnh	3.520.926	3.130.914	152.619	629.933	20,12	61,01
+ Đầu tư tập trung	1.216.060	957.648	53.299	190.000	19,84	86,54
+ Tiền sử dụng đất	300.000	168.400	-	38.703	22,98	2.109,16
+ Trung ương bổ sung có mục tiêu	727.796	727.796	8.708	150.000	20,61	37,36
+ Chương trình mục tiêu	100.070	100.070	1.230	1.230	1,23	13,53
+ Xổ số kiến thiết	1.177.000	1.177.000	89.382	250.000	21,24	62,41
- Cấp huyện		390.012	32.922	170.000	43,59	147,07
II/- CHI THƯỜNG XUYÊN	7.869.377	7.997.937	602.767	2.915.708	36,46	103,51
Chia ra						
1) Chi sự nghiệp kinh tế		926.663	72.616	245.250	26,47	139,65
- Chi SN nông, lâm, thủy lợi		296.599	37.521	110.039	37,10	161,08
- Chi SN giao thông		85.020	10.756	44.426	52,25	127,22
- Chi SN kinh tế khác		545.044	24.339	90.785	16,66	125,42
2) Chi sự nghiệp văn xã		4.886.840	346.819	1.807.814	36,99	101,95
a- Chi SN giáo dục và đào tạo	3.323.713	3.323.713	263.429	1.235.634	37,18	102,48
b- Chi SN y tế		878.180	33.628	181.593	20,68	67,31
c- Chi SN nghiên cứu khoa học và CNTT	30.670	30.670	615	28.539	93,05	132,82
d- Chi SN văn hóa - thông tin		84.223	11.282	41.778	49,60	128,78
e- Chi SN phát thanh - truyền hình		38.954	1.898	9.861	25,31	101,60
f- Chi SN thể dục - thể thao		71.052	7.108	34.949	49,19	114,92
g- Chi đảm bảo xã hội		440.048	28.860	275.461	62,60	135,19
h- Chi sự nghiệp văn xã khác		20.000			-	
3) Chi quản lý hành chính		1.458.753	114.732	613.057	42,03	101,09
4) Chi an ninh, quốc phòng địa phương		298.305	28.155	144.642	48,49	99,71
5) Chi sự nghiệp hoạt động môi trường	78.200	171.806	28.791	46.616	27,13	291,75
6) Chi khác ngân sách		194.673	11.654	58.330	29,96	59,72
7) Chi mục tiêu từ ngân sách TW bổ sung	60.896	60.896			-	
III/- CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	1.170	1.170			-	
IV/- DỰ PHÒNG	212.360	216.800			-	
B. CHI TỪ NGUỒN THU QUẢN LÝ QUA NSNN	-	-	-	-		
- Chi đầu tư XDCB (Chi từ nguồn thu NĐBG)						

NỘI DUNG	CHÂU ĐỐC				TÂY CHÂU				CHỢ MỚI				PHÚ TÂN				CHÂU PHÚ			
	DT	Thực hiện trong tháng	Lấy kế từ đầu năm	%	DT	Thực hiện trong tháng	Lấy kế từ đầu năm	%	DT	Thực hiện trong tháng	Lấy kế từ đầu năm	%	DT	Thực hiện trong tháng	Lấy kế từ đầu năm	%	DT	Thực hiện trong tháng	Lấy kế từ đầu năm	%
THU TỰ KINH TẾ ĐỊA BÀN (A+B)	240.800	32.253	122.215	50,75	103.000	10.742	59.302	57,57	135.000	11.502	64.817	48,01	99.500	7.983	32.226	32,39	100.000	6.603	44.807	44,81
A. THUẾ XNK, TTĐB, GTGT HÀNG NK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Thuế XNK, thuế TTĐB hàng NK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B. THU NỘI ĐỊA	240.800	32.253	122.215	50,75	103.000	10.742	59.302	57,57	135.000	11.502	64.817	48,01	99.500	7.983	32.226	32,39	100.000	6.603	44.807	44,81
1. Thu căn đối ngân sách	240.800	32.253	122.215	50,75	103.000	10.655	58.978	57,26	135.000	11.502	64.817	48,01	99.500	7.983	32.226	32,39	100.000	5.724	43.928	43,93
Không kể thu XKST, tiền sử dụng đất	180.800	20.046	90.987	50,32	101.000	8.194	53.230	52,70	132.500	10.795	60.743	45,84	97.500	5.514	27.776	28,49	99.000	5.705	43.573	44,01
1. Thu từ ĐNNN trong vùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Thu từ các ĐNNN địa phương	2.000	318	1.709	85,46	400	20	504	125,98	-	-	-	-	1.000	-	377	37,67	-	-	-	-
3. Thu từ DN có vốn ĐTN	-	486	2.899	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Thuế ngoài quốc doanh	75.000	3.875	21.773	29,03	48.500	3.925	19.335	39,91	53.500	4.196	23.942	44,75	38.000	2.233	9.974	26,25	41.300	1.980	14.133	34,22
5. Lệ phí trước bạ	14.000	768	7.850	56,07	18.300	391	6.215	33,96	17.000	680	6.931	40,77	7.900	345	5.197	65,78	9.300	407	6.220	66,88
6. Thuế SD đất phi nông nghiệp	1.870	10	32	1,70	300	36	129	42,88	350	1	15	4,42	100	16	84	83,82	300	12	80	26,60
7. Thuế thu nhập cá nhân	26.000	1.899	12.601	48,47	9.000	825	4.611	51,23	20.000	1.631	8.567	42,83	13.300	1.046	4.599	34,58	18.600	1.424	6.846	36,81
8. Thu thuế BVMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- NSTW hưởng 100%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân chia NSTW và NSDP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Thu phi và lệ phí	45.400	7.916	30.927	68,12	17.700	2.389	19.664	111,09	22.600	2.267	11.930	52,79	24.200	902	2.724	11,26	18.800	740	12.327	65,57
- Phí và lệ phí trong vùng	3.000	242	595	19,82	800	67	183	22,92	1.700	49	361	21,24	1.500	60	391	26,06	56	290	56	35,41
10. Thu tiền sử dụng đất	60.000	12.206	31.228	52,05	2.000	2.461	5.748	287,42	2.500	707	4.074	162,97	2.000	2.470	4.450	222,49	1.000	19	354	35,41
11. Thu tiền cho thuê đất mặt nước	130	1.371	1.925	1.481,14	500	115	156	31,13	-	-	1.240	-	-	11	68	-	100	312	369	368,93
12. Các khoản thu tại xã	4.800	151	1.765	36,77	800	26	132	16,46	2.900	157	1.245	42,94	3.300	121	908	27,51	1.100	33	890	80,88
13. Thu khác	11.600	517	6.137	52,90	5.500	464	2.456	44,66	16.150	511	5.573	34,51	9.700	837	3.842	39,61	9.500	515	2.402	25,29
- Thu phạt VPHC (ATGT + VPHC khác)	4.300	459	2.998	69,71	3.000	312	1.808	60,25	11.500	411	3.855	33,52	6.500	630	3.137	48,26	6.000	222	1.692	28,20
+ TW hưởng	2.800	341	1.766	63,08	2.400	221	1.404	58,51	8.500	333	3.374	39,70	4.500	457	2.375	52,79	5.500	150	1.036	18,84
- Thu từ hoạt động CLB, KD trái pháp luật	1.500	118	1.231	82,09	600	91	403	67,23	3.000	78	481	16,02	2.000	173	762	38,08	500	71	656	131,23
- Các khoản khác	5.800	57	2.129	36,71	2.000	150	635	31,74	4.650	97	1.712	36,81	2.700	206	702	25,99	2.000	281	607	30,35
14. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15. Thu xử sở kiến thiết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16. Thu từ cổ tức và lợi nhuận còn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Các khoản thu để lại QL qua ngân sách	-	-	-	-	-	86	334	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	879	879	-
- Thu nhân dân đóng góp	-	-	-	-	86	324	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	879	879
TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	374.800	41.778	177.838	47,45	452.500	30.453	174.750	38,62	701.700	59.298	308.434	43,96	514.500	43.641	211.262	41,06	514.000	41.535	223.305	43,44
1. Thu căn đối ngân sách	374.800	41.778	177.838	47,45	452.500	30.367	174.427	38,55	701.700	59.298	308.434	43,96	514.500	43.641	211.262	41,06	514.000	40.656	222.426	43,27
Trong đó không kể số kiến thiết, tiền SDD	233.000	31.670	119.854	51,44	99.400	10.367	57.391	57,74	122.800	11.120	61.082	48,94	97.500	7.466	29.460	31,85	94.500	5.518	42.602	45,18
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	141.800	10.108	57.994	40,89	353.100	20.000	117.036	33,15	576.900	48.178	247.332	42,88	422.000	36.175	181.802	43,08	419.500	35.138	179.824	42,87
a) Thu bổ sung căn đối	141.800	10.000	55.450	39,10	353.100	20.000	110.275	31,23	576.900	48.000	240.225	41,64	422.000	36.000	177.500	42,06	419.500	35.000	174.875	41,69
b) Thu bổ sung có mục tiêu (BSMT)	-	108	2.534	-	-	-	6.761	-	-	178	7.127	-	-	175	4.302	-	-	138	4.949	-
c) Bổ sung vốn phân giới cảm mốc	-	-	-	-	-	86	324	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	879	879	-

Số: 771 /TB-STC

An Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc kê khai giá mặt hàng xăng, dầu của các tổ chức, cá nhân kê khai giá tại Sở Tài chính

Căn cứ Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang;

Thực hiện Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 20/1/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân cấp thẩm quyền thông báo danh sách thực hiện đăng ký giá, kê khai giá; tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá và văn bản kê khai giá trên địa bàn tỉnh An Giang và Thông báo số 105/TB-UBND ngày 24/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa thực hiện đăng ký giá, kê khai giá tại Sở Tài chính An Giang.

Sở Tài chính đã nhận được Hồ sơ kê khai giá xăng, dầu của 09 tổ chức, cá nhân kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn tỉnh; gồm: Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang, Công ty TNHH TM-DV Mỹ Hòa, Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM tại An Giang, Chi nhánh Công ty CP Dầu khí Mê Kông tại An Giang, Chi nhánh Công ty CP Dầu khí Cửu Long tại An Giang, DNTN An Kiên, DNTN Hiệp Hưng, Công ty TNHH Trương Phát Thịnh, Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hòa Bình.

Căn cứ Hồ sơ kê khai giá do biến động tăng giá xăng, dầu từ ngày 05/6/2017 của các tổ chức, cá nhân kinh doanh xăng dầu, Sở Tài chính thông báo mức giá xăng, dầu của 09 tổ chức, cá nhân kê khai giá lại tại Sở Tài chính.

(Theo phụ lục đính kèm)

Sở Tài chính thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết. /

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá (BTC);
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Phòng TC-KH các huyện, TX, TP;
- Chi cục Quản lý thị trường;
- Thanh tra Tài chính;
- Công Thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VP, P.GCS.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHỔ GIÁM ĐỐC**

Lê Cẩm Bình

BẢNG GIÁ BÁN MẶT HÀNG XĂNG DẦU KÊ KHAI GIÁ TẠI SỞ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Thông báo số 771/TB-STC ngày 08/6/2017 của Sở Tài chính)

I/ CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU AN GIANG (Số 145/1 Trần Hưng Đạo, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ 15 giờ ngày 05/6/2017

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai (bao gồm thuế VAT)
1	Xăng RON 95 - III	TCVN	đồng/lít thực tế	18.260
2	Xăng RON 92 - II	TCVN	đồng/lít thực tế	17.560
3	Xăng E5 RON 92 - II	TCVN	đồng/lít thực tế	17.350
4	Điêzen 0,05S	TCVN	đồng/lít thực tế	13.680
5	Dầu hỏa	TCVN	đồng/lít thực tế	12.350

II/ CÔNG TY TNHH TM-DV MỸ HÒA (Số 693/10 khóm Tây Khánh, phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ 15 giờ ngày 05/6/2017

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai (bao gồm thuế VAT)
1	Xăng RON 95 - II	TCVN	đồng/lít	18.260
2	Xăng RON 92 - II	TCVN	đồng/lít	17.560
3	Xăng E5 RON 92 - II	TCVN	đồng/lít	17.350
4	Dầu DO 0,05%S	TCVN	đồng/lít	13.680

III/ CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TẠI AN GIANG (Số 49 Lê Minh Ngon, phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ 15 giờ ngày 05/6/2017

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai (bao gồm thuế VAT)
1	Xăng RON 95 - II	TCCS 01: 2016/SP	đồng/lít	18.260
2	Xăng RON 92 - II	TCCS 01: 2016/SP	đồng/lít	17.560
3	Xăng E5 RON 92 - II	TCCS 01: 2016/SP	đồng/lít	17.350
4	Dầu DO 0,05%S	TCCS 01: 2016/SP	đồng/lít	13.680
5	Dầu hỏa	TCCS 01: 2016/SP	đồng/lít	12.310

IV/ CHI NHÁNH CÔNG TY CP DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI AN GIANG (Số 222, Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ 15 giờ ngày 05/6/2017

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai (bao gồm thuế VAT)
1	Xăng RON 95 - II	TCVN	đồng/lít thực tế	18.260
2	Xăng RON 92 - II	TCVN	đồng/lít thực tế	17.560
3	Xăng E5 RON 92 - II	TCVN	đồng/lít thực tế	17.350
4	Dầu Diezen 0,05S	TCVN	đồng/lít thực tế	13.680

VII/ CHI NHÁNH CÔNG TY CP DẦU KHÍ CỬU LONG TẠI AN GIANG (Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ 15 giờ ngày 5/6/2017

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai (bao gồm thuế VAT)
1	Xăng 95 - II	TCVN	đồng/lít	18.260
2	Xăng 92 - II	TCVN	đồng/lít	17.560
3	Dầu DO (0,05%S)	TCVN	đồng/lít	13.680
4	Dầu KO	TCVN	đồng/lít	12.310

VI/ DNTN AN KIÊN (Số 14/3 tỉnh lộ 942, ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, AG): áp dụng thực hiện từ 15 giờ ngày 05/6/2017

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai (bao gồm thuế VAT)
1	Xăng RON 95 - II	TCVN	đồng/lít	18.260
2	Xăng RON 92 - II	TCVN	đồng/lít	17.560
3	Dầu DO 0,05%S	TCVN	đồng/lít	13.680

VII/ DNTN HIỆP HƯNG (Áp Phú Trường, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, AG): áp dụng thực hiện từ 15 giờ ngày 05/6/2017

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai (bao gồm thuế VAT)
1	Xăng RON 95 - II	TCVN	đồng/lít	18.260
2	Xăng RON 92 - II	TCVN	đồng/lít	17.560
3	Dầu DO 0,05S	TCVN	đồng/lít	13.680

VIII CÔNG TY TNHH TRƯƠNG PHÁT THỊNH (Tỉnh lộ 953, ấp Vĩnh Tường, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, AG): áp dụng thực hiện từ 15 giờ ngày 05/6/2017

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá kê khai (bao gồm thuế VAT)
1	Xăng RON 95 - II	TCVN	đồng/lít	18.260
2	Xăng RON 92 - II	TCVN	đồng/lít	17.560
3	Dầu DO 0,05S	TCVN	đồng/lít	13.680

IX/ CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU HÒA BÌNH (Số 1092, Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, AG): áp dụng thực hiện từ 15 giờ ngày 05/6/2017

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách	Đơn vị tính	Giá kê khai (bao gồm thuế VAT)
1	Xăng RON 95 - II	TCVN	đồng/lít	18.260
2	Xăng RON 92 - II	TCVN	đồng/lít	17.560
3	Dầu DO 0,05%S	TCVN	đồng/lít	13.680